Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 05.07.2019 11:08:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 233 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 04 tháng 7 năm 2019*

BÁO CÁO
Về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và số lượng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của pháp luật trong năm 2018

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế và số lượng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của pháp luật trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TINH GIẢN BIÊN CHẾ

Tổng số người thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm 2018 là **87** trường hợp, trong đó có 78 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi và 09 trường hợp thôi việc ngay, cụ thể như sau:

1. Nghỉ hưu trước tuổi: 78 trường hợp, trong đó:

- Khối Quản lý nhà nước: 16 trường hợp (cấp tỉnh: 07 trường hợp; cấp huyện 03 trường hợp: cấp xã: 06 trường hợp);

- Khối Đảng, đoàn thể: 20 trường hợp;

- Khối sự nghiệp: 41 trường hợp (cấp tỉnh: 25 trường hợp; cấp huyện: 16 trường hợp);

- Khối doanh nghiệp nhà nước: 01 trường hợp (Công ty Cổ phần Du lịch Tây Ninh).

2. Thôi việc ngay: 09 trường hợp, trong đó:

- Khối Quản lý nhà nước: 02 trường hợp (cấp xã: 02 trường hợp);

- Khối Đảng, đoàn thể: 03 trường hợp;

- Khối sự nghiệp: 04 trường hợp (cấp tỉnh: 01 trường hợp; cấp huyện: 03 trường hợp).

(Kèm theo biểu tổng hợp báo cáo số 03 theo Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015)

3. Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế

Tổng kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của năm 2018: 11.399.196.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 10.134.972.000 đồng;

- Kinh phí thực hiện chính sách thôi việc ngay: 1.264.224.000 đồng.

4. Đánh giá kết quả thực hiện tinh giản biên chế:

Được sự quan tâm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai và tổ chức thực hiện chính sách tinh giản biên chế nên việc lập hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ bản đúng theo hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành và của địa phương.

Quá trình thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo vị trí việc làm.

II. NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI VÀ THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của pháp luật trong năm 2018: **599** trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi 328 trường hợp và thôi việc 271 trường hợp), cụ thể:

- Khối hành chính: 87 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 24 trường hợp và thôi việc: 63 trường hợp):

+ Cấp tỉnh: 31 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 15 trường hợp, thôi việc: 16 trường hợp);

+ Cấp huyện: 30 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 08 trường hợp, thôi việc: 22 trường hợp);

+ Cấp xã: 26 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 01 trường hợp, thôi việc: 25 trường hợp).

- Khối sự nghiệp: 509 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 303 trường hợp và thôi việc: 206 trường hợp):

+ Cấp tỉnh: 220 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 151 trường hợp, thôi việc: 69 trường hợp);

+ Cấp huyện: 289 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 152 trường hợp, thôi việc: 137 trường hợp).

- Hội đặc thù cấp tỉnh: 03 trường hợp (nghỉ hưu đúng tuổi: 01 trường hợp, thôi việc: 02 trường hợp).

(Kèm theo biểu tổng hợp báo cáo số 04 của Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTC Tỉnh ủy;
- BHXH tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- CVP UBND tỉnh; P.NCPC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

Quý

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 3

BÁO CÁO KẾT QUẢ TINH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 233 /BC-UBND ngày 04 / 7 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế năm 2018					Kinh phí chi cho tinh giản biên chế năm 2018 (1.000 đ)				
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang các cơ sở	Thôi việc ngay	Thôi việc để đi học	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	Kinh phí chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí chi cho những người thôi việc sau khi đi học nghề
	A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Tổng cộng	87	78	0	9	0	11399.196	10,134.972	0	1,264.224	0
I.	**Khối hành chính**	18	16	0	2	0	2236.506	2,106.004	0	130.502	0
I.1	**Cấp tỉnh**	7	7	0	0	0	970.623	970.623	0	0	0
1	Thanh tra tỉnh	1	1				253.542	253.542			
2	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	1	1				206.302	206.302			
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1				0.000				
4	Sở Công Thương	1	1				92.042	92.042			
5	Sở Xây dựng	1	1				151.466	151.466			
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1				92.773	92.773			
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	1				174.498	174.498			
I.2	**Cấp huyện**	3	3	0	0	0	374.006	374.006	0	0	0
1	UBND huyện Châu Thành	1	1				157.468	157.468			
2	UBND huyện Gò Dầu	1	1				87.410	87.410			
3	UBND huyện Dương Minh Châu	1	1				129.128	129.128			
I.3	**Cấp xã**	8	6	0	2	0	891.877	761.375	0	130.502	0
1	Huyện Châu Thành	1	1				112.388	112.388			

2	Huyện Bến Cầu	3	2		1		338.868	264.696		74.172	
3	Huyện Trảng Bàng	1			1		56.330			56.330	
4	Huyện Tân Châu	1	1				167.564	167.564			
5	Huyện Gò Dầu	1	1				103.728	103.728			
6	Huyện Dương Minh Châu	1	1				112.999	112.999			
II.	**Khối sự nghiệp**	45	41	0	4	0	6156.925	5,105.693	0	1,051.232	0
II.1	**Cấp tỉnh**	26	25	0	1	0	3120.614	2,835.518	0	285.096	0
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2	2				351.611	351.611			
2	Sở Y tế	18	18				1850.092	1,850.092			
3	BQL KDTLS Núi Bà Đen	1			1		285.096			285.096	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1				164.735	164.735			
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	2				197.363	197.363			
6	Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh	1	1				142.916	142.916			
7	BQL VQG Lò Gò - Xa Mát	1	1				128.801	128.801			
II.2	**Cấp huyện**	19	16	0	3	0	3036.311	2270.175	0	766.136	0
1	UBND huyện Châu Thành	7	7				1173.382	1173.382			
2	UBND huyện Gò Dầu	5	3		2		920.911	398.868		522.043	
3	UBND huyện Tân Châu	2	1		1		391.609	147.516		244.093	
4	UBND huyện Dương Minh Châu	1	1				147.695	147.695			
5	UBND thành phố Tây Ninh	2	2				172.373	172.373			
6	UBND huyện Tân Biên	1	1				138.955	138.955			
7	UBND huyện Bến Cầu	1	1				91.386	91.386			
III.	**Khối Đảng, Đoàn thể**	23	20		3		3005.765	2923.275		82.490	
IV	**Doanh nghiệp nhà nước**	1	1								
1	Công ty CP Du lịch Tây Ninh	1	1								

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI VÀ THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 04/ 8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Số người nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật		
		Tổng số	Số người nghỉ hưu đúng tuổi	Số người thôi việc theo quy định của pháp luật
I	**Khối hành chính**	**87**	**24**	**63**
I.1	**Cấp tỉnh**	**31**	**15**	**16**
1	Sở Tư pháp	0	0	0
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	2	1
3	Sở Y tế	1	1	0
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2	1	1
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	2	1
6	Sở Tài chính	1	0	1
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6	4	2
8	Sở Công Thương	2	1	1
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	2	1	1
10	Sở Xây dựng	4	0	4
11	Sở Thông tin và Truyền thông	2	1	1
12	Sở Khoa học và Công nghệ	0	0	0
13	Sở Giao thông Vận tải	1	1	0
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0
15	Sở Ngoại vụ	0	0	0
16	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	1	1	0
17	Thanh tra tỉnh	0	0	0
18	Sở Nội vụ	3	0	3
I.2	**Khối hành chính cấp huyện**	**30**	**8**	**22**

1	UBND thành phố Tây Ninh	2	0	2
2	UBND huyện Hòa Thành	1	0	1
3	UBND huyện Dương Minh Châu	6	0	6
4	UBND huyện Châu Thành	1	1	0
5	UBND huyện Tân Châu	7	1	6
6	UBND huyện Tân Biên	2	1	1
7	UBND huyện Bến Cầu	4	3	1
8	UBND huyện Trảng Bàng	3	1	2
9	UBND huyện Gò Dầu	4	1	3
I.3	**Cấp xã**	**26**	**1**	**25**
1	UBND huyện Bến Cầu	2	0	2
2	UBND huyện Châu Thành	2	0	2
3	UBND huyện Dương Minh Châu	3	0	3
4	UBND huyện Gò Dầu	0	0	0
5	UBND huyện Hòa Thành	1	1	0
6	UBND huyện Tân Biên	3	0	3
7	UBND huyện Tân Châu	13	0	13
8	UBND huyện Trảng Bàng	1	0	1
9	UBND Thành phố Tây Ninh	1	0	1
II	**Khối sự nghiệp**	**509**	**303**	**206**
II.1	**Cấp tỉnh**	**220**	**151**	**69**
1	Sở Tư pháp	1	0	1
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	37	13
3	Sở Y tế	140	100	40
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5	4	1
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1	0
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8	2	6
7	Sở Công Thương	1	1	0
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	1	4
9	Sở Thông tin và Truyền thông	0	0	0
10	Sở Khoa học và Công nghệ	0	0	0
11	Sở Giao thông Vận tải	1	0	1

12	VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	0	0	0
13	Sở Nội vụ	0	0	0
14	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	4	4	0
15	BQL KDTLS Cách mạng Miền nam	0	0	0
16	BQL VQG Lò Gò - Xa Mát	2	0	2
17	BQL cửa khẩu Xa Mát	0	0	0
18	BQL cửa khẩu Mộc Bài	0	0	0
19	BQL DAĐTXD ngành Giao thông	0	0	0
20	BQL DAĐTXD ngành Nông nghiệp	0	0	0
21	BQL DAĐTXD tỉnh	1	1	0
22	BQL Khu di tích Núi Bà Đen	1	0	1
II.2	**Sự nghiệp cấp huyện**	**289**	**152**	**137**
1	UBND thành phố Tây Ninh	41	16	25
2	UBND huyện Hòa Thành	36	24	12
3	UBND huyện Dương Minh Châu	52	35	17
4	UBND huyện Châu Thành	29	12	17
5	UBND huyện Tân Châu	39	15	24
6	UBND huyện Tân Biên	32	14	18
7	UBND huyện Bến Cầu	17	10	7
8	UBND huyện Trảng Bàng	36	26	10
9	UBND huyện Gò Dầu	7	0	7
III	**Hội đặc thù cấp tỉnh**	**3**	**1**	**2**
1	Hội chữ thập đỏ tỉnh	2	0	2
2	Liên minh HTX tỉnh	1	1	0
Tổng		**599**	**328**	**271**